

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 14602 /UBND-KT  
V/v triển khai Nghị quyết số  
29/2025/NQ-HĐND ngày  
12/12/2025 của HĐND tỉnh

Nghệ An, ngày 26 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Sở Tài chính.

Thực hiện Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh quy định chính sách tín dụng ưu đãi ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An (*Bản sao Nghị quyết gửi kèm theo*).

UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh theo đúng quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP KT UBND tỉnh;
- Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh;
- Lưu: VT, KT (TP, T).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Thanh An**

Số: 29/2025/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 12 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách tín dụng ưu đãi ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng  
Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù; số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025;

Xét Tờ trình số 13023/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách tín dụng ưu đãi ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách tín dụng ưu đãi vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

#### 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

### **Điều 2. Đối tượng vay vốn**

1. Các đối tượng theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Các đối tượng theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

3. Các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

4. Các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

5. Các đối tượng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 76 Luật Nhà ở năm 2023.

6. Các đối tượng thuộc chương trình tín dụng chính sách xã hội khác do Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

### **Điều 3. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay**

Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay bằng mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng Chính sách xã hội quy định đối với nguồn ngân sách trung ương.

### **Điều 4. Xử lý nợ bị rủi ro**

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định tại Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân

hàng Chính sách xã hội và Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội: Phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết nội dung này.

#### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn vốn ngân sách tỉnh trích hàng năm ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

#### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12 năm 2025.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XVIII, Kỳ họp thứ 35 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2025./.*

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ (đề b/c);
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp (Cục KTVB&QLXPVPHC) (đề b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT



**Hoàng Nghĩa Hiếu**

